

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN
TỈNH TUYÊN QUANG

Bản án số: 61/2022/HNGĐ-ST

Ngày 28-3-2022

“Về việc: Chia tài sản chung của
vợ chồng sau ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Luân.

2. Ông Nguyễn Duy Sự.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 28 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 139/2018/TLST-HNGĐ ngày 06/7/2018 về việc “Chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 26/11/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24/12/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/01/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/02/2022; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/TB-TA ngày 01/3/2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1975.

Nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; Chỗ ở: TDP T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

- **Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt tại phiên tòa ở phần thủ tục và phần tranh tụng nhưng vắng mặt không có lý do khi tuyên án.*

- **Bị đơn:** Ông Hoàng Tiến M, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Ông M đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa vắng mặt không có lý do).

- **Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Lã Thị N, sinh năm 1941.

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. *Bà N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

2. Ủy ban nhân dân xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (Người đại diện theo pháp luật: Ông Ma Văn H, chức vụ: Chủ tịch UBND xã; Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Chúc Thị Khánh L, chức vụ: Cán bộ Tư pháp hộ tịch của UBND xã Phù Lưu). *Bà Linh vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

NHẬN THẤY:

**** Tại biên bản lấy lời khai, biên bản lấy lời khai bổ sung và tại phiên toà, nguyên đơn bà Hoàng Thị S trình bày:***

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2018/HNGĐ-ST ngày 31/01/2018 Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đã giải quyết ly hôn, giao nuôi con chung và phân chia tài sản chung của vợ chồng giữa bà với bị đơn là ông Hoàng Tiến M. Ngày 05/02/2018 bị đơn ông Hoàng Tiến M kháng cáo toàn bộ nội dung bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm nêu trên và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử lại. Ngày 30/5/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã hủy một phần (phần chia tài sản chung) tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2018/HNGĐ-ST ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên. Nay bà tiếp tục đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn với ông Hoàng Tiến M.

Cụ thể bà Hoàng Thị S yêu cầu Tòa án chia các tài sản chung với ông Hoàng Tiến M như sau:

Bà hoàn toàn nhất trí với các loại tài sản chung và giá trị các tài sản chung của bà và ông Hoàng Tiến M như đã kê khai cụ thể tại Biên bản thẩm định tài sản và Biên bản định giá tài sản do Hội đồng thẩm định và Hội đồng định giá tài sản huyện Hàm Yên tiến hành ngày 07/6/2016 bao gồm:

- 01 ngôi nhà kiểu dáng nhà sàn bê tông cốt thép tầng 1, tầng 2 lợp tôn, cột trụ bê tông, xây dựng năm 2012, diện tích 244,8m² được làm trên diện tích đất tại thôn Lãng Đán, xã Phù Lưu. Nguồn gốc diện tích đất này là của bố mẹ chồng bà là ông Hoàng Văn L và bà Lã Thị N cùng trú tại thôn L, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang có trị giá là 636.166.000 đồng.

- 01 chuồng lợn xây dựng năm 2008, mái lợp Phibroximang trụ, tường xây gạch 110, nền bê tông, trị giá 5.836.000 đồng.

- Bờ ao xây dựng năm 2007, xây tường gạch 110, nền bê tông dày 10cm, trị giá 17.860.000 đồng.

- Bể thả cá xây dựng năm 2014, xây gạch 110, nền đổ bê tông dày 10cm, trị giá 6.939.000 đồng.

- Tường rào xung quanh nhà, xây dựng năm 2013, xây gạch cao 1,5m, trị giá 47.876.000 đồng.

- Nhà đặt máy xay xát, xây dựng năm 2013, nhà gỗ mái lợp Phibroximang, trị giá 6.421.000 đồng.

- Bờ ao ngoài nhà, xây dựng năm 2013, đào xúc đất, tường gạch 110 cm, trị giá 20.075.000 đồng.

- Bể Bioga xây dựng năm 2009, thể tích 8m³, trị giá 5.710.000 đồng.

- 01 con ngựa đực, màu vàng tía, mua năm 2014, trị giá 25.000.000 đồng.

- 01 con ngựa đực, màu trắng xám, mua năm 2014, trị giá 22.500.000 đồng.

- 01 giàn máy xay xát liên hoàn, mua năm 2007, trị giá 2.200.000 đồng.

- 01 máy cày, mua năm 2006, trị giá 750.000 đồng.

- 04 cái giường (01 cái gỗ pomu loại 1,6m mua năm 2011; 01 cái gỗ nghiêng loại 1,5m mua năm 2007; 02 cái gỗ nghiêng + gối mua năm 2009), trị giá 5.490.000 đồng.

- 01 tủ lạnh nhãn hiệu SANYO 180 lít, mua năm 2011, trị giá 860.000 đồng.
- 01 bếp ga mua năm 2013, trị giá 3.440.000 đồng.
- 01 máy rửa xe mua năm 2012, trị giá 1.000.000 đồng.
- 01 máy bơm nước và dây bơm mua năm 2005, trị giá 120.000 đồng.
- 01 cửa xăng mua năm 2013, trị giá 9.000.000 đồng.
- 01 bình phun thuốc bằng điện, mua năm 2014, trị giá 875.000 đồng.
- 01 máy phun thuốc chạy xăng, mua năm 2010, trị giá 1.125.000 đồng.
- 01 bình Tân Á, mua năm 2011, trị giá 1.980.000 đồng.
- 01 bình năng lượng mặt trời, mua năm 2011, trị giá 2.940.000 đồng.
- 01 bình nóng lạnh, mua năm 2013, trị giá 1.840.000 đồng.
- 01 cửa inox, mua năm 2014, trị giá 7.885.000 đồng.
- 02 đệm nằm, mua năm 2013, trị giá 3.360.000 đồng.
- 01 nồi nấu rượu mua năm 2014, trị giá 990.000 đồng.
- 01 nồi đúc loại 150 lít, mua năm 2014, trị giá 450.000 đồng.

Trong số tài sản chung nêu trên có 02 con ngựa đực mua năm 2014 màu trắng xám và màu vàng tía thì hiện nay 02 con ngựa này đều đã bị chết (không còn trên thực tế để phân chia tài sản) nên bà không yêu cầu Tòa án chia; Đối với các diện tích đất vườn cam và số lượng cây cam là tài sản chung của bà và ông M tại thôn Nậm Lương và thôn Lăng Đán, xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên thì hiện nay bà và ông M đã tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản chung xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Đối với diện tích đất 120m² đã được UBND huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 959338 ngày 08/4/2014 mang tên Hoàng Thị S và Hoàng Tiến M, nguồn gốc diện tích đất này do em trai ruột của bà là anh Hoàng Văn N, sinh năm 1984, địa chỉ thôn L, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nhận chuyển nhượng lại của ông Vũ Thành L (tên gọi khác: Đỗ Thành L), sinh năm 1988, địa chỉ: Tổ 7, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Bà và ông M, anh N cùng tự nguyện thống nhất thỏa thuận để cho bà và ông M đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (không lấy tên anh Hoàng Văn N), đối với diện tích đất nêu trên bà và ông M tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung này; Đối với tài sản chung là ngôi nhà kiểu dáng nhà sàn bê tông cốt thép tầng 1 và tầng 2 lợp tôn, cột trụ bê tông và các công trình phụ trợ được làm trên diện tích đất do bố mẹ chồng bà là ông Hoàng Văn L và bà Lã Thị N tại thôn Lăng Đán, xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang cho mượn, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với diện tích đất trên.

Đối với kết quả định giá tài sản do Tòa án phối hợp cùng Hội đồng định giá tài sản tiến hành ngày 15/11/2021, bà hoàn toàn nhất trí và không có bất cứ ý kiến gì.

Tại phiên tòa, bà S thay đổi ý kiến, bà không nhất trí với kết quả định giá tài sản do Tòa án phối hợp cùng Hội đồng định giá tài sản tiến hành ngày 15/11/2021 vì bà cho rằng khấu hao tài sản giữa hai lần định giá là quá lớn, toàn bộ các tài sản chung trên đều do ông M quản lý, sử dụng nên ông M phải chịu phần khấu hao tài sản. Bà yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn giữa bà với ông M gồm các loại tài sản và giá trị các tài sản chung như đã kê khai cụ thể tại Biên bản thẩm định tài sản và Biên bản định giá tài sản do Hội đồng thẩm định và

Hội đồng định giá tài sản tiến hành ngày 07/6/2016 bao gồm: 01 ngôi nhà kiểu dáng nhà sàn bê tông cốt thép tầng 1, tầng 2 lợp tôn, cột trụ bê tông, xây dựng năm 2012; 01 chuồng lợn xây dựng năm 2008, mái lợp Phibroximang trụ, tường xây gạch 110, nền bê tông; Bờ ao xây dựng năm 2007, xây tường gạch 110, nền bê tông dày 10cm; Bể thả cá xây dựng năm 2014, xây gạch 110, nền đổ bê tông dày 10cm; Tường rào xung quanh nhà, xây dựng năm 2013, xây gạch cao 1,5m; Nhà đặt máy xay xát, xây dựng năm 2013, nhà gỗ mái lợp Phibroximang; Bờ ao ngoài nhà, xây dựng năm 2013, đào xúc đất, tường gạch 110cm; Bể Bioga xây dựng năm 2009, thể tích 8m³; 01 giàn máy xay xát liên hoàn, mua năm 2007; 01 máy cày, mua năm 2006; 04 cái giường (01 cái gỗ pomu loại 1,6m mua năm 2011; 01 cái gỗ nghiêng loại 1,5m mua năm 2007; 02 cái gỗ nghiêng + giỗ mua năm 2009); 01 tủ lạnh nhãn hiệu SANYO 180 lít, mua năm 2011; 01 bếp ga mua năm 2013; 01 máy rửa xe mua năm 2012; 01 máy bơm nước và dây bơm mua năm 2005; 01 cửa xăng mua năm 2013; 01 bình phun thuốc bằng điện, mua năm 2014; 01 máy phun thuốc chạy xăng, mua năm 2010; 01 bình Tân Á, mua năm 2011; 01 bình năng lượng mặt trời, mua năm 2011; 01 bình nóng lạnh, mua năm 2013; 01 cửa inox, mua năm 2014; 02 đệm nằm, mua năm 2013; 01 nồi nấu rượu mua năm 2014; 01 nồi đúc loại 150 lít, mua năm 2014. Tổng giá trị tài sản bà yêu cầu chia theo kết quả tại Biên bản định giá tài sản ngày 07/6/2016 là 791.188.000 đồng (*Đã trừ đi giá trị của 02 con ngựa*). Bà đề nghị Tòa án chia đôi cho bà và ông M mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị số tài sản chung nêu trên (bà được hưởng giá trị tài sản là 395.594.000 đồng; ông M được hưởng giá trị tài sản là 395.594.000 đồng). Tuy nhiên do thực tế và nhu cầu sử dụng hiện nay ông M đang là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng toàn bộ khối tài sản chung nêu trên, bà nhất trí để ông M được tiếp tục quản lý, sử dụng khối tài sản này, ông M có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản chênh lệch cho bà với tổng số tiền là 395.594.000 đồng.

Ngoài ra, bà không yêu cầu HĐXX chia bất cứ số tài sản chung nào khác giữa bà với ông M, bà cũng không đề nghị HĐXX giải quyết bất cứ nội dung gì khác.

*** Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:**

Ông hoàn toàn nhất trí với toàn bộ nội dung trình bày nêu trên của bà Hoàng Thị S. Ông đề nghị HĐXX căn cứ các quy định pháp luật để phân chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn giữa bà Hoàng Thị S với ông Hoàng Tiến M theo quy định pháp luật. Ngoài ra, ông không yêu cầu HĐXX giải quyết nội dung gì khác.

*** Đối với bị đơn ông Hoàng Tiến M:**

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên đã gửi Thông báo thụ lý vụ án ly hôn sơ thẩm số 139/2018/TLST-HNGĐ ngày 06/7/2018 cho bị đơn ông Hoàng Tiến M biết, báo gọi nhiều lần nhưng ông M không đến Tòa án làm việc. Tại Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 08/2018/HNGĐ-PT ngày 30/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã thể hiện ý kiến của ông M đối với các tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân giữa ông với bà Hoàng Thị S đúng như nội dung bà S đã trình bày nêu trên. Tuy nhiên sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang huỷ một phần (phần về tài sản chung) tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2018/HNGĐ-ST ngày 31/01/2018 Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang để xét xử lại theo trình tự sơ thẩm, Tòa án đã nhiều lần triệu

tập, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông M theo quy định pháp luật nhưng ông M cố tình trốn tránh không đến Toà án làm việc nên Toà án giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo quy định pháp luật.

*** *Tại Biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lã Thị N trình bày:***

Bà và ông Hoàng Văn L (đã chết ngày 13/01/2021) là bố mẹ đẻ của ông Hoàng Tiến M và là bố mẹ chồng của bà Hoàng Thị S. Năm 1959-1960 vợ chồng bà trực tiếp khai phá được diện tích đất tại thôn Lãng Đán, xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng bà canh tác, sử dụng thường xuyên, ổn định, không có bất cứ tranh chấp gì. Năm 1996 khi ông M và bà S chung sống với nhau như vợ chồng, đến năm 2002 mới đi làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi ông M và bà S đăng ký kết hôn với nhau, vợ chồng bà cho ông M và bà S mượn diện tích đất (một phần diện tích đất do vợ chồng ông bà khai phá từ năm 1959-1960) để ở và canh tác sản xuất. Khi cho mượn diện tích đất này, các bên chỉ trao đổi miệng không lập văn bản giấy tờ gì. Diện tích đất này đã được UBND huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Hoàng Văn L và bà Lã Thị N. Sau khi được cho mượn đất, ông M và bà S đã xây dựng 01 ngôi nhà sàn và các công trình phụ trợ, canh tác trồng cây trên toàn bộ diện tích đất mượn này. Khi ông M và bà S xây dựng 01 ngôi nhà sàn và các công trình phụ trợ trên đất thì vợ chồng bà có biết, có nhất trí và không có bất cứ ý kiến gì. Bà N xác định đối với các tài sản (công trình trên đất và cây trồng trên đất) theo kết quả thẩm định tài sản ngày 07/6/2016 của Hội đồng thẩm định tài sản huyện Hàm Yên tiến hành là tài sản chung của bà S và ông M. Đối với diện tích đất vợ chồng bà cho ông M và bà S mượn thì hiện nay vẫn xác định là tài sản chung của vợ chồng bà, bà không nhất trí và không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản (diện tích đất) này. Sau khi Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn giữa ông M với bà S xong thì bà sẽ làm thủ tục tặng cho theo quy định đối với riêng một mình ông M. Ngoài nội dung trên, bà N không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết nội dung gì khác.

Tại phiên tòa bà Lã Thị N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà N giữ nguyên ý kiến đã trình bày nêu trên, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì khác.

*** *Tại Biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên trình bày:***

Về nguồn gốc diện tích đất, quá trình sử dụng diện tích đất tại 04 vườn cam của ông Hoàng Tiến M và bà Hoàng Thị S tại thôn Nậm Lương và thôn Lãng Đán, xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang hiện nay vẫn là diện tích đất thuộc quyền quản lý về đất đai của UBND xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên theo quy định pháp luật, toàn bộ diện tích đất này chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bất cứ cơ quan, cá nhân hay tổ chức nào.

Quá trình giải quyết vụ án, về chứng cứ các đương sự cung cấp cho Tòa án:

- Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn bà Hoàng Thị S giao nộp: Không có.

- Tài liệu, chứng cứ do bị đơn ông Hoàng Tiến M giao nộp: Không có.
- Tài liệu, chứng cứ do những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lã Thị N và UBND xã P giao nộp: Không có.
- Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập bao gồm:
 - + Hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm số 06/2016/TLST-HNGĐ ngày 11/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.
 - + Hồ sơ vụ án dân sự phúc thẩm số 05/TBTL - TA ngày 17/4/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.
 - + Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên tiến hành thu thập theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác.

Toà án tiến hành xác minh tại thôn L, xã P và tại UBND xã P, huyện H được cung cấp như sau:

Hiện nay ông Hoàng Tiến M và bà Hoàng Thị S là công dân vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Tuy nhiên ông M thường xuyên đi làm ăn xa nhà, thi thoảng mới về gia đình và địa phương.

Qua kiểm tra Sổ mục kê, Sổ địa chính và bản đồ giải thửa 299 lưu tại UBND xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên thể hiện đến thời điểm hiện tại ông Hoàng Tiến M và bà Hoàng Thị S chưa làm thủ tục kê khai, đăng ký xin cấp quyền sử dụng đất đối với bất cứ diện tích đất nào tại UBND xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên. Tuy nhiên trên thực tế ông M và bà S là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng 04 vườn cam (01 vườn cam và diện tích đất tại khu Tổng Pó thuộc thôn Lãng Đán, xã Phù Lưu; 01 vườn cam và diện tích đất tại khu Cúp Linh thuộc thôn Lãng Đán, xã Phù Lưu; 01 vườn cam và diện tích đất tại khu Lừu Mù thuộc thôn Năm Lương, xã Phù Lưu và 01 vườn cam và diện tích đất tại khu bể nước sạch thuộc thôn Năm Lương, xã Phù Lưu). Toàn bộ diện tích đất thuộc 04 vườn cam nêu trên chưa được cấp Giấy chứng quyền sử dụng đất cho ông M, bà S hay cho bất cứ cơ quan, cá nhân hay tổ chức nào mà vẫn thuộc quyền quản lý về đất đai của UBND xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên theo quy định pháp luật.

Đối với diện tích đất thổ cư và đất vườn tại thôn Lãng Đán, xã Phù Lưu hiện nay do ông M là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng có nguồn gốc là của bố mẹ ông M là ông Hoàng Văn L (đã chết năm 2021) và bà Lã Thị N trực tiếp khai phá. Diện tích đất này đã được UBND huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Hoàng Văn L và bà Lã Thị N. Trên diện tích đất này ông M và bà S đã xây dựng 01 ngôi nhà sàn bằng bê tông cốt thép và các công trình phụ trợ khác như tại Biên bản thẩm định tài sản ngày 07/6/2016 do Toà án phối hợp với Hội đồng thẩm định tài sản tiến hành là đúng thực tế.

Ngày 07/6/2016 Toà án phối hợp với Hội đồng thẩm định tài sản tiến hành đo vẽ, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản các bên đang tranh chấp. Ngày 15/11/2021 Hội đồng định giá tài sản căn cứ vào kết quả thẩm định và định giá tài sản ngày 07/6/2016 được thể hiện trong hồ sơ vụ án (Hội đồng định giá tài sản không trực tiếp kiểm đếm, đo đạc, thẩm định lại từng tài sản tranh chấp) để định giá tài sản và xác

định giá trị còn lại của các loại tài sản đang tranh chấp giữa bà S với ông M để làm căn cứ giải quyết vụ án. Kết quả định giá tài sản cụ thể như sau:

* Về các công trình trên đất:

- 01 ngôi nhà kiểu dáng sàn bê tông cốt thép tầng 1, tầng 2 lợp tôn, cột trụ bê tông diện tích 244,8m² xây dựng năm 2012, có trị giá là 370.930.830 đồng.

- 01 chuồng lợn xây dựng năm 2008, mái lợp Phibroximang trụ, tường xây gạch 110, nền bê tông, trị giá 1.346.760 đồng.

- Bờ ao xây dựng năm 2007, xây tường gạch 110, nền bê tông dày 10cm, trị giá 2.976.882 đồng.

- Bể thả cá xây dựng năm 2014, xây gạch 110, nền đổ bê tông dày 10cm, trị giá 3.286.818 đồng.

- Tường rào xung quanh nhà, xây dựng năm 2013, xây gạch cao 1,5m, trị giá 17.953.650 đồng.

- Nhà đặt máy xay xát, xây dựng năm 2013, nhà gỗ mái lợp Phibroximang, trị giá 2.853.600 đồng.

- Bể Bioga xây dựng năm 2009, thể tích 8m³ đã hết khấu hao, giá trị còn lại là 0 đồng.

Tổng giá trị vật kiến trúc trên đất là 399.348.540đ (*Ba trăm chín mươi chín triệu, ba trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm bốn mươi đồng*).

* Về các tài sản sử dụng sinh hoạt trong gia đình:

- 01 giàn máy xay xát liên hoàn mua năm 2007 giá trị khấu hao còn lại 0 đồng.

- 01 máy cày bừa, mua năm 2006 giá trị khấu hao còn lại 0 đồng.

- 04 cái giường (01 cái gỗ pomu loại 1,6m mua năm 2011; 01 cái gỗ nghiêng loại 1,5m mua năm 2007; 02 cái gỗ nghiêng + giời mua năm 2009) giá trị khấu hao còn lại đều là 0 đồng.

- 01 tủ lạnh nhãn hiệu SANYO 180 lít mua năm 2011 giá trị khấu hao còn lại là 0 đồng.

- 01 bếp ga, mua năm 2013, trị giá 1.290.000 đồng.

- 01 máy rửa xe, mua năm 2012, trị giá 200.000 đồng.

- 01 máy bơm nước và dây bơm mua năm 2005 giá trị khấu hao còn lại 0 đồng.

- 01 cửa xăng, mua năm 2013, trị giá 3.000.000 đồng.

- 01 bình phun thuốc bằng điện, mua năm 2014, trị giá 250.000 đồng.

- 01 máy phun thuốc chạy xăng, mua năm 2010, giá trị khấu hao còn lại 0 đồng.

- 01 bình Tân Á, mua năm 2011, trị giá 330.000 đồng.

- 01 bình nóng lạnh, mua năm 2014, trị giá 690.000 đồng.

- 01 Bình năng lượng mặt trời, mua năm 2010, trị giá 490.000 đồng.

- 01 cửa inox, mua năm 2014, trị giá 3.735.000 đồng.

- 01 nồi nấu rượu, mua năm 2014, trị giá 440.000 đồng.

- 01 nồi đúc loại 150 lít, mua năm 2014, trị giá 200.000 đồng.

- 02 đệm nằm, mua năm 2013, trị giá 1.260.000 đồng.

Tổng trị giá các tài sản sử dụng sinh hoạt trong gia đình là 11.885.000đ (*Mười một triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

Tổng giá trị các tài sản chung của ông M và bà S tính đến thời điểm định giá tài sản ngày 15/11/2021 là 411.233.540đ (*Bốn trăm mười một triệu, hai trăm ba mươi ba nghìn, năm trăm bốn mươi đồng*).

Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang thông báo hòa giải cho các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên. Tuy nhiên do bị đơn ông Hoàng Tiến M nhiều lần không đến Tòa án làm việc, Tòa án không tiến hành hoà giải để cho các đương sự tự thỏa thuận được với nhau về việc phân chia các tài sản chung nêu trên, nguyên đơn bà Hoàng Thị S đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Vì vậy Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

* Về tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về việc chấp hành quy định pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn bà Hoàng Thị S thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật; bị đơn ông Hoàng Tiến M đã được Tòa án gửi các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng đều vắng mặt không đến Tòa án làm việc nên Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông M theo quy định pháp luật. Qua cung cấp của địa phương xác minh được ông Hoàng Tiến M hiện nay vẫn ĐKKTT tại thôn L, xã P nhưng Tòa án báo gọi nhiều lần không đến làm việc, vì vậy có thể xác định ông M đã cố tình trốn tránh không thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm UBND xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên và bà Lã Thị N còn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

* Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, các Điều 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 33, 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 213, 219, 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị S về việc “Chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn” với ông Hoàng Tiến M, cụ thể:

- Đối với bà Hoàng Thị S: Bà S được ông Hoàng Tiến M trả cho số tiền chênh lệch về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn là 205.616.770 đồng.

- Đối với ông Hoàng Tiến M:

+ Giao cho ông Hoàng Tiến M được quyền quản lý, sử dụng các tài sản chung tại thôn Lãng Đán, xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang bao gồm: Các công trình trên đất (01 ngôi nhà kiểu dáng nhà sàn bê tông cốt thép tầng 1, tầng 2 lợp tôn, cột trụ bê tông, xây dựng năm 2012; 01 chuồng lợn xây dựng năm 2008, mái lợp

Phibroximang trụ, tường xây gạch 110, nền bê tông; Bờ ao xây dựng năm 2007, xây tường gạch 110, nền bê tông dày 10cm; Bể thả cá xây dựng năm 2014, xây gạch 110, nền đổ bê tông dày 10cm; Tường rào xung quanh nhà, xây dựng năm 2013, xây gạch cao 1,5m; Nhà đặt máy xay xát, xây dựng năm 2013, nhà gỗ mái lợp Phibroximang; Bờ ao ngoài nhà, xây dựng năm 2013, đào xúc đất, tường gạch 110cm; Bể Bioga xây dựng năm 2009, thể tích 8m³) và Các tài sản sử dụng sinh hoạt trong gia đình (01 giàn máy xay xát liên hoàn, mua năm 2007; 01 máy cày, mua năm 2006; 04 cái giường (01 cái gỗ pomu loại 1,6m mua năm 2011; 01 cái gỗ nghiêng loại 1,5m mua năm 2007; 02 cái gỗ nghiêng + gối mua năm 2009); 01 tủ lạnh nhãn hiệu SANYO 180 lít, mua năm 2011; 01 bếp ga mua năm 2013; 01 máy rửa xe mua năm 2012; 01 máy bơm nước và dây bơm mua năm 2005; 01 cửa xăng mua năm 2013; 01 bình phun thuốc bằng điện, mua năm 2014; 01 máy phun thuốc chạy xăng, mua năm 2010; 01 bình Tân Á, mua năm 2011; 01 bình năng lượng mặt trời, mua năm 2011; 01 bình nóng lạnh, mua năm 2013; 01 cửa inox, mua năm 2014; 02 đệm nằm, mua năm 2013; 01 nồi nấu rượu mua năm 2014; 01 nồi đúc loại 150 lít, mua năm 2014).

Tổng giá trị tài sản (các công trình trên đất và các tài sản sử dụng sinh hoạt trong gia đình) ông Hoàng Tiến M được quản lý, sử dụng 411.233.540 đồng.

+ Ông Hoàng Tiến M có trách nhiệm trả cho bà Hoàng Thị S số tiền chênh lệch về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn là 205.616.770 đồng.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị trách nhiệm chịu án phí dân sự có giá ngạch và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ngày 30/5/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã tuyên hủy một phần (phần chia tài sản chung) tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2018/HNGĐ-ST ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang để giải quyết lại theo trình tự, thủ tục cấp sơ thẩm. Xét thấy trong vụ án trên, nguyên đơn bà Hoàng Thị S khởi kiện bị đơn ông Hoàng Tiến M về việc “Kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn”. Ông M là công dân đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- Về việc vắng mặt của bị đơn ông Hoàng Tiến M tại phiên tòa: Qua xác minh tại địa phương nơi ông M đăng ký hộ khẩu thường trú cung cấp: Ông M thường xuyên đi làm xa nhà, ông M đi làm xa ít khi về thăm gia đình và địa phương. Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án số 139/2018/TLST-HNGĐ ngày 06/7/2018 và các văn bản tố tụng khác cho ông M nhưng ông M đều không có mặt tại địa phương, hoặc nếu ông M có mặt tại gia đình và địa phương thì cũng đều từ chối không nhận văn

bản tố tụng của Tòa án. Vì vậy Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo quy định pháp luật về thụ lý, mở phiên họp công khai chứng cứ, xét xử thông qua thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật. Như vậy người bị khởi kiện là ông Hoàng Tiến M đã cố tình trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Hoàng Thị S khởi kiện bị đơn ông Hoàng Tiến M về việc phân chia các tài sản chung giữa bà S với ông M được hình thành trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng. Nay ông M và bà S đã giải quyết ly hôn xong nhưng các bên không thống nhất thỏa thuận được việc phân chia các tài sản chung sau ly hôn nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “*Chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào hồ sơ giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên; hồ sơ giải quyết vụ án ly hôn phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang; căn cứ lời trình bày của các đương sự và kết quả xác minh, kết quả định giá tài sản xác định: Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2018/HNGĐ-ST ngày 31/01/2018 Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên đã giải quyết ly hôn, giao nuôi con chung và phân chia tài sản chung của vợ chồng giữa nguyên đơn bà Hoàng Thị S với bị đơn là ông Hoàng Tiến M. Ngày 05/02/2018 bị đơn ông Hoàng Tiến M kháng cáo toàn bộ nội dung bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm nêu trên và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử lại. Ngày 30/5/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã hủy một phần (phần chia tài sản chung) của Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2018/HNGĐ-ST ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên để giải quyết lại phần chia tài sản chung theo trình tự, thủ tục của cấp sơ thẩm.

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hoàng Thị S xác định và đề nghị Hội đồng xét xử phân chia các tài sản chung được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa bà với ông Hoàng Tiến M bao gồm: Các công trình trên đất (gồm: 01 ngôi nhà kiểu dáng nhà sàn bê tông cốt thép tầng 1, tầng 2 lợp tôn, cột trụ bê tông, xây dựng năm 2012; 01 chuồng lợn xây dựng năm 2008, mái lợp Phibroximang trụ, tường xây gạch 110, nền bê tông; Bờ ao xây dựng năm 2007, xây tường gạch 110, nền bê tông dày 10cm; Bể thả cá xây dựng năm 2014, xây gạch 110, nền đổ bê tông dày 10cm; Tường rào xung quanh nhà, xây dựng năm 2013, xây gạch cao 1,5m; Nhà đặt máy xay xát, xây dựng năm 2013, nhà gỗ mái lợp Phibroximang; Bờ ao ngoài nhà, xây dựng năm 2013, đào xúc đất, tường gạch 110cm; Bể Bioga xây dựng năm 2009, thể tích 8m³) và Các tài sản sử dụng sinh hoạt trong gia đình (gồm: 01 giàn máy xay xát liên hoàn, mua năm 2007; 01 máy cày, mua năm 2006; 04 cái giường (01 cái gỗ pomu loại 1,6m mua năm 2011; 01 cái gỗ nghiêng loại 1,5m mua năm 2007; 02 cái gỗ nghiêng + giỗ mua năm 2009); 01 tủ lạnh nhãn hiệu SANYO 180 lít, mua năm 2011; 01 bếp ga mua năm 2013; 01 máy rửa xe mua năm 2012; 01 máy

bơm nước và dây bơm mua năm 2005; 01 cửa xăng mua năm 2013; 01 bình phun thuốc bằng điện, mua năm 2014; 01 máy phun thuốc chạy xăng, mua năm 2010; 01 bình Tân Á, mua năm 2011; 01 bình năng lượng mặt trời, mua năm 2011; 01 bình nóng lạnh, mua năm 2013; 01 cửa inox, mua năm 2014; 02 đệm nằm, mua năm 2013; 01 nồi nấu rượu mua năm 2014; 01 nồi đúc loại 150 lít, mua năm 2014). Bà đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chia đôi cho bà và ông M mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị số tài sản chung nêu trên.

Toà án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác triệu tập bị đơn ông Hoàng Tiến M đến Toà án lấy lời khai, làm việc và tiến hành hoà giải nhưng ông M không có mặt tại địa phương hoặc từ chối nhận văn bản tố tụng của Toà án nên Toà án không ghi được ý kiến của ông M để xác định ông M yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung cụ thể như thế nào. Căn cứ ý kiến trình bày của nguyên đơn bà Hoàng Thị S; căn cứ Biên bản định giá tài sản ngày 15/11/2021 của Toà án, căn cứ các tài liệu do Toà án thu thập được để xác định các tài sản chung hiện tại còn lại của ông M và bà S trình bày nêu trên là đúng thực tế. Hiện nay bà S và ông M đã giải quyết ly hôn xong mỗi người sinh sống tại một địa điểm, tuy nhiên ông M vẫn đang là người trực tiếp sử dụng, quản lý toàn bộ các tài sản chung nêu trên, HĐXX xét thấy do nhu cầu và thực tế nên cần giao cho ông M được trực tiếp quản lý, sử dụng các tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn giữa bà S với ông M. Cụ thể các tài sản bao gồm: Các công trình trên đất (gồm: 01 ngôi nhà kiểu dáng nhà sàn bê tông cốt thép tầng 1, tầng 2 lợp tôn, cột trụ bê tông, xây dựng năm 2012; 01 chuồng lợn xây dựng năm 2008, mái lợp Phibroximang trụ, tường xây gạch 110, nền bê tông; Bờ ao xây dựng năm 2007, xây tường gạch 110, nền bê tông dày 10cm; Bể thả cá xây dựng năm 2014, xây gạch 110, nền đổ bê tông dày 10cm; Tường rào xung quanh nhà, xây dựng năm 2013, xây gạch cao 1,5m; Nhà đặt máy xay xát, xây dựng năm 2013, nhà gỗ mái lợp Phibroximang; Bờ ao ngoài nhà, xây dựng năm 2013, đào xúc đất, tường gạch 110cm; Bể Bioga xây dựng năm 2009, thể tích 8m³) và Các tài sản sử dụng sinh hoạt trong gia đình (gồm: 01 giàn máy xay xát liên hoàn, mua năm 2007; 01 máy cày, mua năm 2006; 04 cái giường (01 cái gỗ pomu loại 1,6m mua năm 2011; 01 cái gỗ nghiêng loại 1,5m mua năm 2007; 02 cái gỗ nghiêng + gối mua năm 2009); 01 tủ lạnh nhãn hiệu SANYO 180 lít, mua năm 2011; 01 bếp ga mua năm 2013; 01 máy rửa xe mua năm 2012; 01 máy bơm nước và dây bơm mua năm 2005; 01 cửa xăng mua năm 2013; 01 bình phun thuốc bằng điện, mua năm 2014; 01 máy phun thuốc chạy xăng, mua năm 2010; 01 bình Tân Á, mua năm 2011; 01 bình năng lượng mặt trời, mua năm 2011; 01 bình nóng lạnh, mua năm 2013; 01 cửa inox, mua năm 2014; 02 đệm nằm, mua năm 2013; 01 nồi nấu rượu mua năm 2014; 01 nồi đúc loại 150 lít, mua năm 2014). Tổng trị giá các tài sản chung của bà S và ông M mà hiện nay ông M được quản lý, sử dụng là 411.233.540 đồng. Ông M có trách nhiệm trả cho bà Hoàng Thị S số tiền chênh lệch về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn là 205.616.770 đồng.

[4]. Đối với các tài sản chung khác của ông M và bà S theo nội dung trình bày của các đương sự tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2018/HNGĐ-ST ngày

31/01/2018 Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang bao gồm: 01 con ngựa đực màu vàng tía mua năm 2014, trị giá 25.000.000 đồng; 01 con ngựa đực màu trắng xám mua năm 2014, trị giá 22.500.000 đồng; Các diện tích đất vườn cam và số lượng cây cam trên diện tích đất tại thôn Nậm Lương + thôn Lãng Đán, xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên; 01 diện tích đất 120m² đã được UBND huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 959338 ngày 08/4/2014 mang tên Hoàng Thị S và Hoàng Tiến M, nguồn gốc diện tích đất này do em trai ruột của bà S là anh Hoàng Văn N, sinh năm 1984, địa chỉ thôn L, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nhận chuyển nhượng lại của ông Vũ Thành L (Đỗ Thành L), sinh năm 1988, địa chỉ: Tổ 7, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Bà Hoàng Thị S xác định đối với 02 con ngựa đực mua năm 2014 màu trắng xám và màu vàng tía thì hiện nay 02 con ngựa đã bị chết nên bà không yêu cầu Tòa án chia; Đối với các diện tích đất vườn cam tại thôn Nậm Lương + thôn Lãng Đán, xã Phù Lưu hiện nay vẫn thuộc quyền quản lý về đất đai của UBND xã Phù Lưu. Còn số lượng cây cam trên các diện tích đất trên thì bà và ông M đã tự thỏa thuận chia xong nên bà không yêu cầu giải quyết; Đối với diện tích đất 120m² đã được UBND huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 959338 ngày 08/4/2014 mang tên Hoàng Thị S và Hoàng Tiến M thì hiện nay bà và ông M đã tự nguyện thỏa thuận phân chia xong phần diện tích đất này. Hội đồng xét xử xét thấy, do bà S không yêu cầu Tòa án phân chia các tài sản chung trên, mặt khác Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác triệu tập bị đơn ông Hoàng Tiến M đến Tòa án lấy lời khai, làm việc nhưng ông M không có mặt tại địa phương hoặc từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án nên Tòa án không lấy được ý kiến của ông M, không xác định được ông M có yêu cầu giải quyết các tài sản trên không nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5]. Về giá trị tài sản đang có tranh chấp: Quá trình giải quyết vụ án, ngày 04/11/2021 nguyên đơn bà Hoàng Thị S có đơn đề nghị Tòa án định giá lại tài sản đang có tranh chấp giữa bà và ông M. Để có căn cứ giải quyết vụ án nên ngày 15/11/2021 Tòa án phối hợp với Hội đồng định giá tiến hành định giá lại tài sản đang có tranh chấp giữa bà S và ông M để xác định giá trị tài sản thực tế còn lại, tại biên bản định giá tài sản ngày 15/11/2021 Hội đồng định giá tài sản xác định giá trị thực tế tài sản còn lại đang có tranh chấp giữa bà S và ông M là 411.233.540 đồng, bà S hoàn toàn nhất trí và không có bất cứ ý kiến gì. Nhưng tại phiên tòa, bà S thay đổi ý kiến, bà không nhất trí với kết quả định giá tài sản do Tòa án phối hợp cùng Hội đồng định giá tài sản tiến hành ngày 15/11/2021 vì bà cho rằng khấu hao tài sản giữa hai lần định giá là quá lớn, toàn bộ các tài sản chung trên đều do ông M quản lý, sử dụng nên ông M phải chịu phần khấu hao tài sản. Bà yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn giữa bà với ông M gồm các loại tài sản và giá trị các tài sản chung như đã kê khai cụ thể tại Biên bản thẩm định tài sản và Biên bản định giá tài sản do Hội đồng thẩm định và Hội đồng định giá tài sản tiến hành ngày 07/6/2016.

HĐXX xét thấy, sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã hủy một phần (phần chia tài sản chung) của Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2018/HNGĐ-ST ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên để giải quyết lại phần chia tài sản chung theo trình tự, thủ tục của cấp sơ thẩm thì phần quyết định chia tài sản chung của bản án sơ thẩm nêu trên chưa có hiệu lực pháp luật. Như vậy xác định các tài sản chung được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa bà S và ông M vẫn thuộc quyền quản lý và sử dụng của bà S và ông M, bà S cho rằng sau khi ly hôn toàn bộ các tài sản chung trên đều do ông M quản lý, sử dụng nên ông M phải chịu phần khấu hao tài sản là không có căn cứ nên HĐXX căn cứ vào kết quả định giá tài sản ngày 15/11/2021 để phân chia tài sản chung sau ly hôn giữa bà S và ông M là phù hợp và có căn cứ pháp luật.

[6]. Tại nội dung bản án phúc thẩm số 08/2018/HNGĐ-PT ngày 30/5/2018 của Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xác định: Đối với diện tích đất tại thôn Lãng Đán, xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên hiện nay ông Hoàng Tiến M và bà Hoàng Thị S đã xây dựng 01 ngôi nhà sàn bê tông cốt thép và các công trình phụ trợ trên đất có nguồn gốc là của bố mẹ ông M (bà Lã Thị N và ông Hoàng Văn L) trực tiếp khai phá nên cần đưa bà Lã Thị N và ông Hoàng Văn L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên Toà án tiến hành xác minh và thu thập tài liệu, chứng cứ là Bản sao trích lục khai tử do UBND xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên cung cấp thông tin thể hiện: Ông Hoàng Văn L, sinh ngày 24/12/1939 đã chết tại nhà riêng tại thôn Lãng Đán, xã Phù Lưu vào ngày 13/01/2021. Vì vậy Toà án nhân dân huyện Hàm Yên không đưa ông Hoàng Văn L vào tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là đúng quy định pháp luật.

- Đối với diện tích đất trên do bà Lã Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, mặt khác bà N xác định sau khi Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn giữa ông M với bà S xong thì bà sẽ làm thủ tục tặng cho diện tích đất trên theo quy định đối với riêng một mình ông M nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án:

+ Bà Hoàng Thị S phải chịu tiền án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với phần giá trị tài sản chung được chia theo quy định pháp luật.

+ Ông Hoàng Tiến M phải chịu tiền án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với phần giá trị tài sản chung được chia theo quy định pháp luật.

[8]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào : Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, các Điều 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố

tụng dân sự; Các Điều 33, 59 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 213, 219, 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị S về việc “*Chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn*” với bị đơn ông Hoàng Tiến M.

Cụ thể:

- Đối với bà Hoàng Thị S: Bà Hoàng Thị S được ông Hoàng Tiến M trả cho số tiền chênh lệch về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn là 205.616.770 đồng (*Hai trăm linh năm triệu, sáu trăm mười sáu nghìn, bảy trăm bảy mươi bảy đồng*).

- Đối với ông Hoàng Tiến M:

+ Giao cho ông Hoàng Tiến M được quyền quản lý, sử dụng các tài sản chung tại thôn Lăng Đán, xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang bao gồm: Các công trình trên đất (01 ngôi nhà kiểu dáng nhà sàn bê tông cốt thép tầng 1, tầng 2 lợp tôn, cột trụ bê tông, xây dựng năm 2012; 01 chuồng lợn xây dựng năm 2008, mái lợp Phibroximang trụ, tường xây gạch 110, nền bê tông; Bờ ao xây dựng năm 2007, xây tường gạch 110, nền bê tông dày 10cm; Bể thả cá xây dựng năm 2014, xây gạch 110, nền đổ bê tông dày 10cm; Tường rào xung quanh nhà, xây dựng năm 2013, xây gạch cao 1,5m; Nhà đặt máy xay xát, xây dựng năm 2013, nhà gỗ mái lợp Phibroximang; Bờ ao ngoài nhà, xây dựng năm 2013, đào xúc đất, tường gạch 110cm; Bể Bioga xây dựng năm 2009, thể tích 8m³) và Các tài sản sử dụng sinh hoạt trong gia đình (01 giàn máy xay xát liên hoàn, mua năm 2007; 01 máy cày, mua năm 2006; 04 cái giường (01 cái gỗ pomu loại 1,6m mua năm 2011; 01 cái gỗ nghiêng loại 1,5m mua năm 2007; 02 cái gỗ nghiêng + gối mua năm 2009); 01 tủ lạnh nhãn hiệu SANYO 180 lít, mua năm 2011; 01 bếp ga mua năm 2013; 01 máy rửa xe mua năm 2012; 01 máy bơm nước và dây bơm mua năm 2005; 01 cửa xăng mua năm 2013; 01 bình phun thuốc bằng điện, mua năm 2014; 01 máy phun thuốc chạy xăng, mua năm 2010; 01 bình Tân Á, mua năm 2011; 01 bình năng lượng mặt trời, mua năm 2011; 01 bình nóng lạnh, mua năm 2013; 01 cửa inox, mua năm 2014; 02 đệm nằm, mua năm 2013; 01 nồi nấu rượu mua năm 2014; 01 nồi đúc loại 150 lít, mua năm 2014).

Tổng giá trị tài sản (các công trình trên đất và các tài sản sử dụng sinh hoạt trong gia đình) ông Hoàng Tiến M được quản lý, sử dụng 411.233.540 đồng (*Bốn trăm mười một triệu, hai trăm ba mươi ba nghìn, năm trăm bốn mươi đồng*).

+ Ông Hoàng Tiến M có trách nhiệm trả cho bà Hoàng Thị S số tiền chênh lệch về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn là 205.616.770 đồng (*Hai trăm linh năm triệu, sáu trăm mười sáu nghìn, bảy trăm bảy mươi bảy đồng*).

Khoản tiền phải trả như trên, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và bà Hoàng Thị S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Hoàng Tiến M chậm trả thì phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

+ Bà Hoàng Thị S phải nộp số tiền án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với phần tài sản được chia là 10.281.000 đồng (*Mười triệu hai trăm tám mươi một nghìn đồng*).

+ Ông Hoàng Tiến M phải nộp số tiền án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với phần tài sản được chia là 10.281.000 đồng (*Mười triệu hai trăm tám mươi một nghìn đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Hoàng Thị S có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn ông Hoàng Tiến M, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lã Thị N, UBND xã Phù Lưu, huyện Hàm Yên vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Phù Lưu (Để biết);
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Đức Tùng